

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-PT
Ngày 29 tháng 11 năm 2021
“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Việt Tiến
2. Ông Nguyễn Kim Ái

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2021/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2021/HNGĐ-ST ngày 09/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị X, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu 2, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 2, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Lê Kim C (T), sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu 2, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Anh Lê Kim C (T) – Là bị đơn.

(Chị X, anh C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Kim C kết hôn với nhau ngày 10/10/2006. Việc kết hôn giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống với nhau. Cuộc sống vợ chồng bước đầu hạnh phúc. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hiểu nhau và không có chung quan điểm sống. Hiện nay chị xác định tình cảm không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh C.

Về con chung: Chị X xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Kim Th, sinh ngày 11/8/2007 và cháu Lê Thị Thu Th1, sinh ngày 29/02/2012. Từ khi xảy ra mâu thuẫn, cháu Th theo ở với chị, nhưng kể từ khi chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh C đón cháu Th1 về ở với anh và cháu Th. Khi ly hôn, chị đề nghị giao cháu Th và cháu Th1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, do anh C vẫn kiên quyết được nuôi cả hai con chung, nên chị đề nghị Tòa án giao cháu cho anh C và chị mỗi người trực tiếp nuôi một cháu, chị không đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, cho vay, nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Bị đơn là anh Lê Kim C trình bày:

Anh xác nhận thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn như chị X trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng bước đầu hạnh phúc, sau đó có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị X có quan hệ với người khác, khi anh nhắc nhở, khuyên răn thì chị X có thái độ thách thức và không thay đổi tính nết. Chị X đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở kể từ tháng 5/2021 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị X kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng phải đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận có 02 con chung đúng như chị X trình bày. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị X cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số: 34/2021/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị X được ly hôn anh Lê Kim C (T).

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thị Thu Th1, sinh ngày 29/02/2012, kể từ khi quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh C chấm dứt, cho đến khi cháu Th1 thành niên.

Giao cho anh Lê Kim C (T) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Kim Th, sinh ngày 11/8/2007, kể từ khi quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh C chấm dứt, cho đến khi cháu Th thành niên.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu một trong các bên yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, bị đơn là anh Lê Kim C có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án xử cho anh được nuôi cả 02 con chung vì các lý do chị X không có trách nhiệm với các con, không có đủ điều kiện để nuôi dạy con cái đến lúc trưởng thành; hai con chung của anh chị đều có nguyện vọng được ở cùng với bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi vụ án được thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T. Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Lê Kim C (T). Ghi nhận thỏa thuận của chị X, anh C về việc giao 02 con chung là các cháu Lê Kim Th, sinh ngày 11/8/2007, cháu Lê Thị Thu Th1, sinh ngày 29/02/2012 cho anh Lê Kim C (T) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.200.000 đồng/02 cháu/tháng cho đến khi các cháu Th niên. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của anh Lê Kim C (T) trong hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời khai của anh C và chị X cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xác định chị Lê Thị X và anh Lê Kim C có 02 con chung là cháu Lê Kim Th – sinh ngày 11/8/2007 và cháu Lê Thị Thu Th1 – sinh ngày 29/02/2012.

Khi ly hôn cả chị X và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, tại phiên tòa sơ thẩm do anh C không thay đổi quan điểm nên chị X đã đề nghị và Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Kim C kháng cáo, không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Anh đề nghị Tòa án giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung vì các lý do: chị X là người làm mẹ nhưng không có tình thương và trách nhiệm với các con, chị cũng không có đủ điều kiện để nuôi dạy con cái đến lúc trưởng thành; hai con chung của anh chị đều có nguyện vọng được ở cùng với bố. Chị X không đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về điều kiện nuôi con của chị X, bản thân chị X đang làm nghề phụ vừa xây dựng với thu nhập ổn định 6.000.000 đồng/tháng (BL 48). Về chỗ ở, chị X đang sinh sống cùng bố, mẹ đẻ tại nhà riêng của ông, bà ở khu 2, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Bố, mẹ đẻ của chị X là ông Lê Văn A và bà Phạm Thị Đ cũng có quan điểm sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho chị X và cháu Th1 sinh sống ổn định (BL 47). Bên cạnh đó, cháu Th1 cũng có lời khai thể hiện nguyện vọng của cháu là được sống cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn (BL 32). Về phía anh C cũng có thu nhập và chỗ ở ổn định. Theo đó, cả chị X và anh C đều có công việc với thu nhập ổn định, có chỗ ở đủ điều kiện để được nuôi con. Nguyện vọng được nuôi dưỡng con của hai anh chị là nguyện vọng chính đáng của người làm cha, làm mẹ. Cháu Th1 lại là nữ nên cấp sơ thẩm đã giao cháu Th1 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng để cháu được phát triển toàn diện cả về tâm lý và sinh lý, phù hợp với nguyện vọng của cháu, giao cháu Th cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm theo đề nghị của anh C, Hội đồng phúc thẩm cho cháu Th, cháu Th1 trình bày nguyện vọng của các cháu. Tại phiên tòa, các cháu đều đề nghị được ở với anh C. Chị X đồng ý để anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu, chị X đóng góp cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh C 1.200.000,đ/tháng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) cho cả 2 cháu. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Việc thỏa thuận của các anh chị tại phiên tòa là tự nguyện là tình tiết mới phát sinh nên cần sửa bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Kháng cáo của anh Lê Kim C được chấp nhận nên anh C không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Chị X phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Lê Kim C (T).

Sửa bản án sơ thẩm số: 34/2021/HNGĐ-ST ngày 09/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[2] Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 148; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 6 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử:

Về con chung: Ghi nhận thỏa thuận của chị X, anh C về việc giao 02 con chung là các cháu Lê Kim Th, sinh ngày 11/8/2007 và cháu Lê Thị Thu Th1, sinh ngày 29/02/2012 cho anh Lê Kim C (T) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi từng cháu thành niên, có khả năng lao động. Chị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*)/02 cháu/tháng cho đến khi các cháu thành niên, có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Về án phí:

Chị Lê Thị X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Kim C (T) không phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho anh C số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*)

anh C (T) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0002829 ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Tiến

Nguyễn Kim Ái

Nguyễn Thị Thùy Hương

